

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 33



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 85.852.900.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Vũ Thế Đức	Ủy viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban kiểm soát (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Bà Dương Minh Châu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

36
ON
TN
DÁN
VII
NH
CỔ
NH
DẠI
ĐA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN & TƯ VẤN
RSM VIỆT NAM**

M.S.D.N.: 0307/2010/Đ-CT. T. C. T. N. H. H.
QUẬN 1 - T. P. HỒ CHÍ MINH

**Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.22 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TA
IG
HA

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.277.889.266	291.330.786.681
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.130.669.199	13.045.282.366
1. Tiền	111	(5.1)	16.130.669.199	13.045.282.366
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.525.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	(5.2)	9.525.000.000	9.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.449.020.211	268.098.811.253
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	84.259.121.497	89.380.753.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.545.176.442	8.416.948.976
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	182.473.041.445	172.907.675.129
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(2.828.319.173)	(2.606.566.344)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		173.199.856	661.693.062
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.11)	173.199.856	661.693.062
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.794.418.889	68.537.367.534
I. Tài sản cố định	220		52.611.560.978	53.175.964.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	50.877.079.251	51.310.201.420
Nguyên giá	222		88.912.682.297	85.825.696.098
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.035.603.046)	(34.515.494.678)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.734.481.727	1.865.763.071
Nguyên giá	228		3.425.638.786	3.425.638.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.691.157.059)	(1.559.875.715)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.507.576.727	14.419.325.635
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.8)	11.507.576.727	14.419.325.635
III. Tài sản dài hạn khác	260		675.281.184	942.077.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		675.281.184	942.077.408
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		361.072.308.155	359.868.154.215

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		229.888.282.754	226.828.918.746
I. Nợ ngắn hạn	310		229.888.282.754	226.828.918.746
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	98.214.376.827	120.942.468.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.555.745.508	2.335.403.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	4.491.319.288	3.983.490.591
4. Phải trả người lao động	314		-	2.832.629.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		77.465.567	565.789.404
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.12)	13.401.016.399	8.813.629.026
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.9)	111.148.359.165	87.355.508.433
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.184.025.401	133.039.235.469
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13)	131.184.025.401	133.039.235.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.852.900.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.852.900.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.13.7)	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.13.7)	8.000.000.000	7.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.368.739.641	29.223.949.709
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		14.874.758.073	8.941.022.499
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.493.981.568	20.282.927.210
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		361.072.308.155	359.868.154.215



Phê duyệt

Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	308.787.472.535	358.626.972.804
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		308.787.472.535	358.626.972.804
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	278.714.594.764	327.750.448.940
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.072.877.771	30.876.523.864
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.813.444.958	3.295.895.357
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.806.465.994	1.190.606.481
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.147.731.588	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	13.517.930.934	12.541.324.944
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.561.925.801	20.440.487.796
9. Thu nhập khác	31		933.211.952	484.050.899
10. Chi phí khác	32		-	17.063.616
11. Lợi nhuận khác	40		933.211.952	466.987.283
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.495.137.753	20.907.475.079
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	2.806.561.152	4.403.822.077
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.688.576.601	16.503.653.002
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.13.5)	1.165	2.495
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.13.6)	1.165	1.657



Phê duyệt
Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

5/1
ĐNC
TNI
ĐÁN
1/VI
T.P

1/VI
GI
ĐO

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.495.137.753	20.907.475.079
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02		4.113.159.239	3.761.406.094
Các khoản dự phòng	03		221.752.829	13.522.033
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		365.034.513	22.650.776
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(692.915.268)	(2.428.390.233)
Chi phí lãi vay	06	(6.4)	4.147.731.588	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		22.649.900.654	22.276.663.749
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.146.941.899)	(29.081.560.310)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.139.382.912)	24.985.322.770
Tăng giảm chi phí trả trước	12		266.796.224	173.044.578
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.147.731.588)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.11)	(2.881.783.202)	(4.489.190.884)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(470.866.669)	(3.100.849.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.870.009.392)	10.763.430.903
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.594.300.489)	(13.751.245.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.090.908	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		583.824.360	2.428.390.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(901.385.221)	(11.322.855.195)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.050.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	161.923.580.163	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(138.130.729.431)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.895.776.300)	(6.517.722.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.897.074.432	(2.467.722.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.125.679.819	(3.027.146.292)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.045.282.366	80.039.189.952
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(40.292.986)	31.336.423
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		16.130.669.199	77.043.380.083

Phê duyệt



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 là 85.852.900.000 VND.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Công ty có Chi nhánh Hải Phòng đặt tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 371 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015 là: 364 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;

0302
CI
HỆM
RSI
TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%
- Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG ÁP DỤNG

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;

5178
NG
NH
ÁN &
VIỆT
RHC
C
TÀI
G
HA N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Kỳ này</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	04 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 2 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm;
- Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm;
- Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng sử dụng lâu dài.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất

2023
CÔ
1
TỔNG TÀI
RSM
11-7
18
CÔ
C
XOJ
NGO
VG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

ngiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

789
GT
HH
N & T
IETN
HỒ
SE
NC
P
HAI
11
ĐA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.22. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.238.115.413	1.943.389.301
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.892.553.786	11.101.893.065
Cộng	<u>16.130.669.199</u>	<u>13.045.282.366</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	6.900.000.000	13.194.594.000	-	6.900.000.000	15.065.092.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinafreight	2.625.000.000	8.960.000.000	-	2.625.000.000	11.777.500.000	-
Cộng	9.525.000.000	22.154.594.000	-	9.525.000.000	26.842.592.000	-

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Gold Team Industries Limited	4.454.000.000	4.490.000.000
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	2.881.388.261	3.293.821.263
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Việt Tiến	-	6.046.950.000
Các khách hàng khác	76.923.733.236	75.549.982.229
Cộng	84.259.121.497	89.380.753.492

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc mua cổ phần (*)	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
Tạm ứng	11.609.112.730	-	8.119.856.721	-
Ký cược, ký quỹ	9.020.447.440	-	4.324.090.000	-
Phải thu khác	1.843.481.275	-	463.728.408	-
Cộng	182.473.041.445	-	172.907.675.129	-
Trong đó, tạm ứng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9:				
Ông Nguyễn Xuân Giang	81.480.108	-	50.480.108	-
Ông Trần Công Thành	147.338.950	-	81.938.950	-
Cộng	228.819.058	-	132.419.058	-

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hóa Dầu Quân Đội với số tiền là 160.000.000.000 VND để mua lại 90% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng MIPEC. Khoản đặt cọc này được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) theo Thư bảo lãnh sửa đổi lần 2 số 049300361500219 và số 019300361500223 ngày 29 tháng 03 năm 2016. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, giao dịch mua lại cổ phần Công ty Cổ phần Cảng MIPEC vẫn chưa hoàn tất.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế Tạo Thiết Bị và Đong Tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Giao Nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	323.074.872	1 năm - 2 năm	1.076.916.344	689.229.780	6 tháng - 2 năm
Các khách hàng khác	1.670.571.737	711.714.766	6 tháng - 3 năm	1.887.701.858	784.442.808	6 tháng - 3 năm
Cộng	3.863.108.811	1.034.789.638		4.080.238.932	1.473.672.588	

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:												
Tại ngày 01/01/2016	35.449.690.697	8.371.625.074	40.461.903.920	743.106.407	799.370.000	85.825.696.098						
Mua trong kỳ	-	332.895.909	-	-	-	332.895.909						
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.215.859.817	-	-	-	-	3.215.859.817						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(461.769.527)	-	-	(461.769.527)						
Tại ngày 30/06/2016	38.665.550.514	8.704.520.983	40.000.134.393	743.106.407	799.370.000	88.912.682.297						
Giá trị hao mòn lũy kế:												
Tại ngày 01/01/2016	6.283.546.957	2.717.185.415	24.549.777.293	654.115.604	310.869.409	34.515.494.678						
Khấu hao trong kỳ	996.726.257	497.668.707	2.367.358.071	20.203.608	99.921.252	3.981.877.895						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(461.769.527)	-	-	(461.769.527)						
Tại ngày 30/06/2016	7.280.273.214	3.214.854.122	26.455.365.837	674.319.212	410.790.661	38.035.603.046						
Giá trị còn lại:												
Tại ngày 01/01/2016	29.166.143.740	5.654.439.659	15.912.126.627	88.990.803	488.500.591	51.310.201.420						
Tại ngày 30/06/2016	31.385.277.300	5.489.666.861	13.544.768.556	68.787.195	388.579.339	50.877.079.251						

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.417.238.854 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	2.642.410.677	783.228.109	3.425.638.786
Tại ngày 30/06/2016	2.642.410.677	783.228.109	3.425.638.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	1.166.849.418	393.026.297	1.559.875.715
Khấu hao trong kỳ	62.426.070	68.855.274	131.281.344
Tại ngày 30/06/2016	1.229.275.488	461.881.571	1.691.157.059
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	1.475.561.259	390.201.812	1.865.763.071
Tại ngày 30/06/2016	1.413.135.189	321.346.538	1.734.481.727

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 762.735.204 VND – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 184.515.600 VND.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Đường vào kho trung chuyển	11.438.237.727	10.105.678.636
Kho trung chuyển	-	4.244.307.999
Công trình khác	69.339.000	69.339.000
Cộng	11.507.576.727	14.419.325.635

(Xem tiếp trang sau)

302
CC
WTC
SMI
G T
PHÃ
IN V
THU
I-T

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2016		Trong kỳ		Tại ngày 30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn	87.355.508.433	87.355.508.433	161.923.580.163	138.130.729.431	111.148.359.165	111.148.359.165
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:						
	Loại tiền		Hạn mức	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND				VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	VND	50.000.000.000		8,5%	42.747.556.311	31.481.144.753 (a)
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	VND	35.000.000.000		8,5%	29.000.000.000	24.000.000.000 (b)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	VND	20.000.000.000		9,0%	19.895.953.986	20.000.000.000 (c)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội	VND	50.000.000.000		8,5%-9,5%	19.504.848.868	11.874.363.680 (d)
Cộng					111.148.359.165	87.355.508.433

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) và (d) Khoản vay được vay tín chấp.
- (b) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 245923 do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010 – Xem thêm mục 5.7. Phần hạn mức còn lại được vay tín chấp.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Sổ tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND. Phần hạn mức còn lại được vay tín chấp – Xem thêm mục 9.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Phải trả cho các đối tượng khác	35.813.613.484 62.400.763.343	35.813.613.484 62.400.763.343	62.998.445.941 57.944.022.443	62.998.445.941 57.944.022.443
Cộng	98.214.376.827	98.214.376.827	120.942.468.384	120.942.468.384

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Tại ngày 30/06/2016 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	661.693.062	488.435.564	173.199.856	1.214.934.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.412.439.329	-	1.337.217.279
Thuế thu nhập cá nhân	-	616.986.861	-	708.971.095
Các loại thuế khác	-	1.465.628.837	-	1.230.196.633
Cộng	661.693.062	3.983.490.591	173.199.856	4.491.319.288

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	7.900.870.572		8.207.385.653	
Nhận tiền đặt cọc mua trái phiếu chuyển đổi - Xem thêm mục 11	4.466.000.000		-	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	463.752.100		24.496.665	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	570.393.727		581.746.708	
Cộng	13.401.016.399		8.813.629.026	

Nhận tiền cược cho thuê container lạnh
 Nhận tiền đặt cọc mua trái phiếu chuyển đổi - Xem thêm mục 11
 Cổ tức, lợi nhuận phải trả
 Các khoản phải trả, phải nộp khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.13. Vốn chủ sở hữu****5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
			Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	
Số dư tại ngày 01/01/2015	54.720.000	1.029.300	(817.208)	9.400.294	6.000.000	48.382.381	118.714.767	
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm trước	2.700.000	1.350.000	-	-	-	-	4.050.000	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	16.503.653	16.503.653	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.887.176)	(3.887.176)	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	
Chia cổ tức đợt 2/2014	-	-	-	-	-	(2.708.300)	(2.708.300)	
Chia cổ tức đợt 3/2014	-	-	-	-	-	(2.843.300)	(2.843.300)	
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(569.683)	(569.683)	
Số dư tại ngày 30/06/2015	57.420.000	2.379.300	(817.208)	9.400.294	7.000.000	53.877.575	129.259.961	
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	28.432.900	-	-	-	-	(28.432.900)	-	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	12.404.197	12.404.197	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(95.033)	(95.033)	
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2015	-	-	-	-	-	(8.529.890)	(8.529.890)	
Số dư tại ngày 01/01/2016	85.852.900	2.379.300	(817.208)	9.400.294	7.000.000	29.223.949	133.039.235	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	11.688.577	11.688.577	
Chi cổ tức bổ sung 2015	-	-	-	-	-	(8.529.890)	(8.529.890)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.435.740)	(4.435.740)	
Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ	-	-	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	
Trích quỹ HĐQT/BKS	-	-	-	-	-	(578.157)	(578.157)	
Số dư tại ngày 30/06/2016	85.852.900	2.379.300	(817.208)	9.400.294	8.000.000	26.368.739	131.184.025	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Vinafreight	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	57.052.900.000	57.052.900.000
Cộng	85.852.900.000	85.852.900.000

5.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	85.852.900.000	54.720.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.700.000.000
Vốn góp cuối kỳ	85.852.900.000	57.420.000.000

5.13.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.529.890	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	11.688.576.601	16.503.653.002
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.753.286.490)	(2.475.547.950)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.935.290.111	14.028.105.052
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	8.529.890	5.622.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.165	2.495

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	11.688.576.601	16.503.653.002
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.753.286.490)	(2.475.547.950)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.935.290.111	14.028.105.052
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	8.529.890	5.622.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	2.843.290
	1.165	1.657

5.13.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	9.400.293.842	7.000.000.000
Trích trong kỳ	-	1.000.000.000
	9.400.293.842	8.000.000.000

5.13.8. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	8.529.890.000	5.551.600.000

5.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	212.703,14	76.750,93
EUR	747,36	3.010,52
JPY	33.000,00	33.000,00
SGD	500,00	500,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢN KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cước	181.035.955.748	231.617.927.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.751.516.787	127.009.045.161
Cộng	308.787.472.535	358.626.972.804

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước	152.477.916.905	193.265.326.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.982.920.470	100.849.933.497
Chi phí nhân công	28.095.612.975	22.781.518.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.404.602.667	3.025.536.339
Chi phí công cụ dụng cụ	430.853.789	536.660.665
Chi phí bằng tiền khác	8.322.687.958	7.291.473.311
Cộng	278.714.594.764	327.750.448.940

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.892.360	1.508.688.233
Cổ tức, lợi nhuận được chia	491.932.000	919.702.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.229.620.598	867.505.124
Cộng	1.813.444.958	3.295.895.357

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	4.147.731.588	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	365.034.513	22.650.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	293.699.893	1.167.955.705
Cộng	4.806.465.994	1.190.606.481

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	5.647.364.096	4.078.074.963
Chi phí khác	7.870.566.838	8.463.249.981
Cộng	13.517.930.934	12.541.324.944

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước	152.477.916.905	193.265.326.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.982.920.470	100.849.933.497
Chi phí nhân công	33.742.977.071	26.859.593.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.113.159.239	3.761.406.094
Chi phí công cụ dụng cụ	531.523.787	809.625.630
Thuế, phí và lệ phí	221.752.829	182.135.625
Chi phí dự phòng	178.296.792	13.522.033
Chi phí khác bằng tiền	14.983.978.605	14.550.230.914
Cộng	292.232.525.698	340.291.773.884

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.495.137.753	20.907.475.079
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	29.600.004	29.600.004
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	(491.932.000)	(919.702.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.032.805.757	20.017.373.083
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	2.806.561.152	4.403.822.077

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lý hợp lệ theo quy định của luật Thuế.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là các khoản lợi nhuận, cổ tức thu được từ đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	161.923.580.163

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(138.130.729.431)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	243.469	262.836	65.318	95.791	-	-	308.787	358.627
Giữa các bộ phận	21.214	21.923	8.537	7.641	(29.751)	(29.564)	-	-
Cộng	264.684	284.759	73.855	103.432	(29.751)	(29.564)	308.787	358.627
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất								
Kết quả của bộ phận	8.387	11.514	8.168	6.821	-	-	16.555	18.335
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							16.555	18.335
Thu nhập tài chính							1.813	3.296
Chi phí tài chính							4.806	1.191
Lợi nhuận khác							933	467
Lợi nhuận trước thuế							14.496	20.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp							2.807	4.404
Lợi nhuận sau thuế							11.689	16.504

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ Triệu đồng	Đầu kỳ Triệu đồng	Cuối kỳ Triệu đồng	Đầu kỳ Triệu đồng	Cuối kỳ Triệu đồng	Đầu kỳ Triệu đồng	Cuối kỳ Triệu đồng	Đầu kỳ Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	277.914	282.572	125.229	144.586	(42.070)	(67.290)	361.072	359.868
Tổng tài sản							361.072	359.868
Nợ phải trả của bộ phận	146.730	149.533	125.229	144.586	(42.070)	(67.290)	229.888	226.829
Tổng nợ phải trả							229.888	226.829
	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	(30)	-	(1.564)	(13.751)	-	-	(1.594)	(13.751)
Chi phí khấu hao	511	562	3.602	3.200	-	-	4.113	3.761

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Nhân viên quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tạm ứng – Xem thêm mục 5.4: Ban Tổng Giám đốc	228.819.058	132.419.058

Ngoài ra, các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt cũng được các bên liên quan cam kết bảo lãnh bằng tài sản cá nhân - Xem thêm mục 5.9.

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	326.000.000	220.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	510.000.000	510.000.000
Cộng	836.000.000	730.000.000

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Thuế GTGT được khấu trừ	-	661.693.062
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	661.693.062	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Trích):

	Kỳ này VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	5.170.000.000
Tăng, giảm các khoản phải thu	(29.081.560.310)	(34.251.560.310)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	8.119.856.721	2.295.596.721
Ký cược, ký quỹ	4.324.090.000	10.148.350.000

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại cho phù hợp bản chất số dư và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

11. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo nghị quyết số 02/2016/HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty quyết định thông qua việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ cho đối tác với tổng số Trái phiếu phát hành là 720.000 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, bao gồm:

- Phát hành cho Công ty TNHH Mitsui Wharf : 420.000 Trái phiếu chuyển đổi;
- Phát hành cho Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC: 300.000 Trái phiếu chuyển đổi.

Hồ sơ đăng ký phát hành Trái phiếu chuyển đổi của Tập đoàn đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo công văn số 2320/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 05 năm 2016. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, giao dịch phát hành trái phiếu chuyển đổi vẫn chưa hoàn tất.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 08 năm 2016.



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng